ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 146 /GPMT-UBND	*Cần Thơ, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Thủy sản Cổ Chiên tại Văn bản số 27/CVCC.2026 ngày 17 tháng 9 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 14602/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thủy sản Cổ Chiên, địa chỉ tại Lô 2-9A1, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Nhà máy chế biến thủy sản Cổ Chiên" tại Lô 2-9A1, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến thủy sản Cổ Chiên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 2-9A1, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1800667179, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 6 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 8 năm 2026, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính

thành phố) cấp.

1.4. Mã số thuế: 1800667179.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chế biến thủy hải sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Diện tích: 15.792 m^2

- Nhóm dự án: Dự án đã có Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 33/GXN-STNMT ngày 01 tháng 10 năm 2019, cơ sở thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Quy mô, công suất: Chế biến thuỷ, hải sản với công suất là 4.830 tấn thành phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh: -

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thủy sản Cổ Chiên có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày .06.. tháng 11 năm 2036).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ, Ủy ban nhân dân phường Phước Thới tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ NN và MT;
- CT UBND thành phố;
- Cty CP Thủy sản Cổ Chiên;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu VT.VK

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Trần Chí Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..146../GPMT-UBND ngày ..06.. tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Lưu lượng phát sinh nước thải tối đa là 691,35 m^3/ngày đêm. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 700 m^3/ngày đêm, sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Trà Nóc 2.

- Công ty đã có Hợp đồng xử lý nước thải số 04/HĐ/XLNT.KCN ngày 26 tháng 6 năm 2015 với Công ty TNHH Một thành viên xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, F≤2.000) trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Trà Nóc 2.

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhà máy với lưu lượng phát sinh 210,75 m^3/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của nhà máy với lưu lượng 480,6 m^3/ngày đêm.

Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 700 m^3/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Trà Nóc 2.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Điểm tiếp nhận: hố ga đấu nối nước thải của Khu công nghiệp Trà Nóc 2.

- Tọa độ vị trí đấu nối: X= 1118439, Y= 576741 *(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 105˚, múi chiếu 3˚).*

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 700 m^3/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, F≤2.000), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 40:2025/BTNMT (cột B, F≤2.000)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	BOD_5	mg/l	≤60	Không thuộc đối tượng quan trắc	Không thuộc đối tượng
02	COD	mg/l	≤90		
03	TSS	mg/l	≤80		
04	pH	-	6 – 9		
05	Amoni	mg/l	≤10		
06	Tổng Nitơ	mg/l	≤40		
07	Tổng Phốt pho	mg/l	≤14		
08	Coliforms	MPN/100ml	≤5.000		
09	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤30		
10	Clo dư	mg/l	≤2		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách biệt hoàn toàn so với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt: chất thải từ hố xí được thu gom bằng ống thoát nước PVC được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn và đấu nối vào hệ thống xử lý của nhà máy. Nước thải từ nhà ăn và nước thải phát sinh từ chậu rửa, nhà tắm, vòi rửa tay sẽ được thu gom trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải bằng ống nhựa PVC.

- Nước thải sản xuất được thu gom bằng ống nhựa PVC. Nguồn phát sinh nước thải chủ yếu từ quá trình sản xuất. Nước thải phát sinh ở mỗi giai đoạn này sẽ được thu qua các đường ống kín riêng và dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của nhà máy sẽ được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 700 m^3/ngày đêm. Nước thải đầu ra sau khi xử lý đạt quy chuẩn, sau đó dẫn về hố ga đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sản xuất → Hố gom T-02 → Bể điều hòa → Bể phản ứng T-04 → Bể đông tụ T- 05 → Bể tuyển nổi T- 06 → Bể trung gian T-07 → Bể thiếu khí

T-08A/B/C → Bể hiếu khí T-09A/B/C→ Bể lắng T-10→ Bể Khử trùng T-11 → Bể xả thải T-12 → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, F≤2.000).

+ Nước thải sinh hoạt được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung ở giai đoạn Bể trung gian T-07.

- Công suất thiết kế: 700 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chloride, NAOH (Natri hydroxide), PAC (Poly Aluminium Chloride), PAM (Polymer Anion), NaOCl (Sodium Hypochlorite) và Polymer Cationic.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Xây dựng các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải. Bố trí nhân sự vận hành và theo dõi thường xuyên hoạt động của hệ thống.

- Vận hành hệ thống theo quy trình hướng dẫn, tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế và vận hành hệ thống; kiểm tra, bảo trì các thiết bị, đường ống định kỳ.

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, đồng thời đào tạo khả năng ứng phó sự cố tại chỗ.

- Thu mẫu quan trắc định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra theo quy định.

- Đảm bảo hoạt động liên tục, có đồng hồ đo lưu lượng và theo dõi vận hành hệ thống hàng ngày.

- Trường hợp gặp sự cố, có biện pháp bố trí bồn, bể lưu chứa nước thải tạm thời chờ khắc phục sự cố.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đấu nối nước thải tập trung (đối với trường hợp cấp giấy phép môi trường cho khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp):-

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi *(nếu có)*: -

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo *(nếu có):* -

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác *(nếu có):* -

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...146.../GPMT-UBND ngày ..06.. tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: khí thải từ ống thoát của lò hơi 1, nhiên liệu là khí hóa lỏng.

- Nguồn số 02: khí thải từ ống thoát của lò hơi 2, nhiên liệu là khí hóa lỏng.

- Nguồn số 03: khí thải từ ống thoát của lò hơi 3, nhiên liệu là khí hóa lỏng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Nguồn thải 01: khí thải lò hơi, nhiên liệu là khí hóa lỏng (LPG), theo hệ tọa độ VN-2000 (kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0) toạ độ tại vị trí: X = 1117823, Y = 0576964

- Nguồn thải 02: khí thải lò hơi, nhiên liệu là khí hóa lỏng (LPG), theo hệ tọa độ VN-2000 (kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0) toạ độ tại vị trí: X = 1117824, Y = 0576971.

- Nguồn thải 03: khí thải lò hơi, nhiên liệu là khí hóa lỏng (LPG), theo hệ tọa độ VN-2000 (kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 3^0) toạ độ tại vị trí: X = 1118271, Y = 0576800

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

+ Khí thải 1: 960 m^3/giờ.

+ Khí thải 2: 960 m^3/giờ.

+ Khí thải 3: 1.860 m^3/giờ.

- Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.780 m^3/giờ (theo công suất thiết kế).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Thải cưỡng bức, qua hệ thống thoát khí.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - cột B, sau ngày 01/01/2032 áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT) cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) Kp=1; Kv=1	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	Không thuộc đối tượng quan trắc	Không thuộc đối tượng
2	SO_2	mg/Nm^3	500		
3	NOx	mg/Nm^3	850		
4	CO	mg/Nm^3	1.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Trong quá trình hoạt động cơ sở sử dụng 3 lò hơi, trong đó có 02 lò hơi công suất 01 tấn hơi/giờ/lò và 01 lò hơi công suất 2 tấn hơi/giờ; sử dụng nhiên liệu là khí gas LPG - một loại nhiên liệu sạch để cung cấp nhiệt cho quá trình sản xuất.

Bố trí ống khói lò hơi cao 15 m đường kính 300 mm; Thường xuyên vệ sinh hệ thống lò hơi nhằm giảm bớt lượng bụi trong khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Hệ thống thoát khí thải lò hơi: Bố trí ống khói lò hơi cao 15 m đường kính 300 mm, khí thoát ra môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - cột B.

+ Công suất quạt hút: Tổng công suất của các cyclone 3.780 m^3/giờ.

- Sàn thao tác lấy mẫu khí thải thực hiện theo quy định.

- Hệ thống xử lý khí thải máy phát điện dự phòng đã được tích hợp theo máy, đảm bảo xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - cột B.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): -

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: -

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố *(nếu có)*

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có): -

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có): -

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..146.../GPMT-UBND ngày ..06... tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.

+ Nguồn số 02: Hoạt động của dây chuyền sản xuất.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Từ 06h00 đến trước 18h00	Từ 18h00 đến trước 22h00	Từ 22h00 đến trước 6h00		
1	70	65	60	-	Khu vực E

2.2. Độ rung

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Từ 06h00 đến trước 22h00	Từ 22h00 đến trước 6h00		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các thiết bị, máy móc được thay thế định kỳ và có các tiêu chuẩn kỹ thuật đạt yêu cầu giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường.

- Toàn bộ máy móc thiết bị được đặt trên các bệ đúc có móng chắc chắn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, lắp đặt các đệm cao su hoặc lò xo chống rung và kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các đệm cao su và lò xo chống rung cho nền các thiết bị và các thiết bị máy móc sản xuất, khi có dấu hiệu hư hỏng.

- Có chế độ bảo trì định kỳ: Bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng đảm bảo an toàn cho công nhân trong quá trình hoạt động.

- Đối với máy phát điện: Vị trí bố trí hợp lý, đầu tư loại máy có hệ thống cách âm đồng bộ (vỏ cách âm, bộ phận giảm âm); lắp đặt đệm cao su hoặc lò xo chống rung để giảm thiểu độ rung khi vận hành máy; kiểm tra và bảo dưỡng máy định kỳ, sửa chữa hoặc thay thế các đệm cao su hoặc lò xo chống rung cho nền và các thiết bị của máy phát điện khi có dấu hiệu hư hỏng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo *(nếu có):* -

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác *(nếu có):* -

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 146/GPMT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên khoảng: 374 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Phụ phẩm (đầu vỏ tôm) khoảng 1.474.682,5 kg/năm.

- Chất thải rắn thông thường khác (dây đai, bao bì, giấy,...) khoảng 14.821 kg/năm.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 3,5 m^3/ngày đêm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt (bao bì, hộp nhựa, thức ăn thừa,…): 217.728 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 2 m^2

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được bố trí có không gian riêng, khép kín. Kết cấu nền chống thấm, có gờ chắn chống tràn, mái che kín, thông gió tự nhiên, trang bị đầy đủ biển cảnh báo, thiết bị phòng cháy chữa cháy và vật liệu thấm hút để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Phụ phẩm: được thu gom vào dụng cụ chứa (phuy nhựa) từ các công đoạn của dây chuyền sản xuất sau đó chuyển cho đơn vị có chức năng theo quy định mỗi ngày (xe thu gom đến tập kết tại khu vực phát sinh phụ phẩm và vận chuyển đi ngay sau khi thu gom, không thực hiện lưu chứa nguồn phụ phẩm này tại nhà máy).

- Các loại chất thải rắn khác (dây đai, túi, thùng carton): được thu gom vào dụng cụ chứa phù hợp, sau đó chuyển về khu vực lưu trữ tạm thời. Định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải chứa tại bể chứa bùn. Chủ cơ sở phân định theo quy định về quản lý chất thải, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m^2.

- Thiết bị lưu chứa: bố trí 17 thùng chứa với thể tích 240L để thu gom chất thải phát sinh. Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tần suất 1 ngày/lần.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải *(nếu có, bao gồm tự xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm):* Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

1. Biện pháp phòng chống cháy nổ

- Phổ biến, hướng dẫn công nhân thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy đã được phê duyệt cũng như việc sử dụng các phương tiện, dụng cụ phòng cháy chữa cháy.

- Khi sửa chữa, thay dây mới phải bảo đảm các mối nối chắc chắn và được bảo vệ bằng lớp cách điện.

- Bố trí các trụ nước chữa cháy theo quy định phòng cháy chữa cháy trong cơ sở để đảm bảo nguồn nước khi xảy ra cháy. Đảm bảo lượng nước được cung cấp đầy đủ.

2. Biện pháp phòng ngừa sự cố liên quan đến thu gom, vận chuyển, quản lý chất thải rắn

- Bố trí biển cảnh báo nguy hiểm tại khu vực lưu trữ chất thải nguy hại theo quy định.

- Khu vực lưu giữ chất thải được xây dựng có mái che, nền xi măng và tường bao nhằm ngăn ngừa rò rỉ chất thải ra môi trường đất.

- Thực hiện kiểm tra định kỳ các thiết bị và khu vực lưu trữ để kịp thời phát hiện, xử lý sự cố rò rỉ.

- Các loại chất thải phải được phân loại, lưu giữ riêng biệt, tuyệt đối không trộn lẫn giữa các loại chất thải với nhau.

3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Biện pháp phòng ngừa sự cố:

+ Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra;

+ Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các công trình đơn vị trong hệ thống xử lý nước thải;

+ Bố trí nhân viên chuyên trách vận hành hệ thống xử lý nước thải;

+ Trang bị các máy móc như bơm, máy thổi khí dự phòng để tránh tình trạng hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động do thiết bị hư hỏng;

+ Bổ sung bùn vi sinh có dấu hiệu chết vi sinh. Đồng thời kiểm tra các thông số đầu vào, các thông số vận hành để đảm bảo khắc phục kịp thời nguyên nhân gây chết vi sinh.

- Biện pháp ứng phó sự cố:

+ Khi xảy ra sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, chủ dự án sẽ tiến hành đóng ngay van xả thải sau xử lý, đồng thời chuyển toàn bộ nước thải về các công trình lưu chứa như bể điều hòa và các bể trong hệ thống nhằm đảm bảo không phát sinh xả thải chưa đạt ra môi trường;

+ Hệ thống được thiết kế với dung tích lưu chứa tối thiểu tương đương 01 ngày lưu lượng, đảm bảo khả năng tiếp nhận nước thải trong thời gian khắc phục sự cố. Tùy theo nguyên nhân, các biện pháp kỹ thuật như điều chỉnh tải, bổ sung vi sinh, kiểm tra thiết bị và hóa chất sẽ được triển khai kịp thời;

+ Nước thải chưa đạt quy chuẩn được tuần hoàn về bể điều hòa hoặc bể sinh học để xử lý lại;

+ Trường hợp sự cố kéo dài, chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý bên ngoài. Sau khi khắc phục hoàn toàn, hệ thống được vận hành ổn định và chỉ xả thải khi đạt quy chuẩn hiện hành.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...146.../GPMT-UBND ngày ...06.. tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: -

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: -

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG: -

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

4. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

5. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.